

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

----\*\*\*----

## **HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẾ PHẨM TINH BỘT:  
TINH BỘT OXY HÓA  
(TINH BỘT BIẾN TÍNH ET)**

**TCCS 55/VDN/2023**

### **CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM**

**Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

**Điện thoại: 0251.3825111      Fax: 0251.3825138**

**Email: [d1-hha@vedaninternational.com](mailto:d1-hha@vedaninternational.com)**



**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

SỐ: TCCS 55/VDN/2023

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: [d1-hha@vedaninternational.com](mailto:d1-hha@vedaninternational.com)

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm:** Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột oxy hóa (Tinh Bột Biến Tính ET)

**2. Thành phần định lượng:** Tinh bột xử lý oxy hóa (INS 1404): 100%.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

**a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):**

| Tên sản phẩm                                                                        | Ký hiệu sản phẩm | Quy cách bao gói                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------|
| PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT : TINH BỘT OXY HÓA<br>(TINH BỘT BIẾN TÍNH ET) | ETL - 1020       | 25 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng |
|                                                                                     | ETL - 1085       |                                                        |
|                                                                                     | ETL - 1090       |                                                        |
|                                                                                     | ETX - 1073       |                                                        |
|                                                                                     | ETX - 1042       |                                                        |
|                                                                                     | ETM - 1044       |                                                        |
|                                                                                     | ETF - 7617       |                                                        |
|                                                                                     | ETL – 1090H      |                                                        |

**b) Chất liệu bao bì:** Bao giấy, bao giấy có lồng bao PE, bao giấy có tráng lớp LDPE lớp trong cùng, hoặc theo yêu cầu khách hàng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



### III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

### IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột oxy hóa (Tinh Bột Biến Tính ET) đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 4-18:2011/BYT về Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột.

*Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.*

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2023

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN CHÍ HẠO**





# VEDAN



Phụ Gia Thực Phẩm - Chế Phẩm Tinh Bột

## TINH BỘT OXY HÓA

(TINH BỘT BIẾN TÍNH ET)

Dùng cho thực phẩm

### Ký Hiệu Sản Phẩm:

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

**Thành phần định lượng:**

Tinh bột xử lý oxy hóa (INS 1404): 100%.

### Hướng dẫn sử dụng:

Chức năng: Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm dày.

Sử dụng cho chế biến thực phẩm.

Hàm lượng và đối tượng sử dụng phù hợp với Thông tư 24/2019/TT-BYT

ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

### Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, để ở nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che.

### Thông tin cảnh báo:

Sản phẩm có chứa  $SO_2$ .

Không để gần với các chất dễ gây cháy, nổ, hóa chất độc hại.

### Thời hạn sử dụng:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**NSX:**

**HSD:**

### Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Điện thoại:** 02513825111 /**Free Hotline:** 1800599902

**Website:** [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn)

TCCS 55/VDN/2023

### Được sự cho phép bởi:

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O. Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.







TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: ❶ No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam ❸ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02164BTP3/6-1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

31/05/2023  
Page 01/02

- Tên mẫu  
Name of sample : PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT: TINH BỘT OXY HÓA (TINH BỘT BIẾN TÍNH ET)  
LOTNO: 23021375B
- Mô tả mẫu  
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu đựng trong túi nhựa.  
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 17/04/2023
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 17/04/2023 – 26/05/2023
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM  
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD  
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành -  
Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
- Kết quả thử nghiệm  
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet



KT3-02164BTP3/6-1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

31/05/2023  
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                       | Phương pháp thử<br>Test method                 | Giới hạn<br>phát hiện/<br>Limit of<br>Detection | Phạm vi đo/<br>Range of<br>measurement<br>(≥) | Kết quả thử<br>nghiệm<br>Test result                                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.1. Cảm quan <sup>(*)</sup> / Sensory test                                          | QTTN/KT3 234 :<br>2019                         |                                                 | -                                             | Dạng bột<br>Powder<br>Màu trắng<br>White<br>Không mùi<br>Odorless                                                                                                                                                                                |
| • Trạng thái/ State                                                                  |                                                |                                                 |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| • Màu sắc/ Color                                                                     |                                                |                                                 |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| • Mùi / Odor                                                                         |                                                |                                                 |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 7.2. Hàm lượng sunphua dioxyt<br>(SO <sub>2</sub> ), mg/kg<br>Sulfur dioxide content | AOAC 2019<br>(990.28)                          |                                                 | 6,0                                           | Không phát hiện<br>Not detected                                                                                                                                                                                                                  |
| 7.3. Phản ứng nhuộm màu iod<br>Iodine stain                                          | QCVN 4-18: 2011<br>/BYT                        |                                                 | -                                             | Có phản ứng<br>nhuộm màu iod<br>đặc trưng<br>Characteristic<br>iodine stain                                                                                                                                                                      |
| 7.4. Phản ứng khử đồng<br>Copper reduction                                           | QCVN 4-18: 2011<br>/BYT                        |                                                 | -                                             | Có phản ứng khử<br>đồng đặc trưng<br>Characteristic<br>copper reduction                                                                                                                                                                          |
| 7.5. Hàm lượng chì,<br>Lead content mg/kg                                            | QTTN/KT3<br>098 : 2016 (Ref:<br>AOAC (999.11)) | 3,00 x 10 <sup>-2</sup>                         |                                               | Không phát hiện<br>Not detected                                                                                                                                                                                                                  |
| 7.6. Độ tan<br>Solubility                                                            | QCVN 4-18: 2011<br>/BYT                        |                                                 | -                                             | - Không tan trong<br>nước lạnh /<br>insoluble in cold<br>water<br>- Tạo thành dung<br>dịch keo nhớt điển<br>hình trong nước<br>nóng / a viscous<br>solution when<br>adder hot water<br>- Không tan<br>trong ethanol /<br>insoluble in<br>ethanol |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet





SGS

Report N°: 0000190303

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: May 13, 2023  
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 13/05/2023

ANALYSIS REPORT  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2304A-1644  
Đơn hàng: 2304A-1644

CLIENT'S NAME : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD  
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NATIONAL ROAD 51, HAMLET 1A, PHUOC THAI VILLAGE, LONG THANH DISTRICT,  
Địa chỉ : ĐÔNG NAI PROVINCE, VIETNAM  
QL51, ẤP 1A, XÃ PHƯỚC THÁI, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : Starch (approx. 309g) in plastic bag  
Mô tả mẫu : Tinh bột (khoảng 309g) chứa trong túi nhựa

Sample ID : 2304A-1644.001  
Mã số mẫu :

Client's reference : Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột:  
Chú thích của khách hàng : Tinh bột oxy hóa (Tinh Bột Biến Tính ET)  
Lotno: 23021375B

Date sample(s) received : April 17, 2023  
Ngày nhận mẫu : 17/04/2023

Testing period : April 17, 2023 - April 24, 2023  
Thời gian thử nghiệm : 17/04/2023 - 24/04/2023

Test(s) requested : As applicant's requirement  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,  
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.  
Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Analyte<br>Chỉ tiêu phân tích                    | Method<br>Phương pháp | Result<br>Kết quả | LOD   | LOQ   | Unit<br>Đơn vị | Note<br>Ghi chú |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|-------|-------|----------------|-----------------|
| 1. Carboxyl group<br>Hàm lượng các nhóm carboxyl | ISO 11214:1996        | 0.039             | 0.011 | 0.036 | g/100g         |                 |

Note/Ghi chú:

- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (\*) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (\*\*) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.  
*Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên (\*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (\*\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.*
- The methods remarked with an asterisk (\*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.  
*Phương pháp được đánh dấu một sao (\*) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*  
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or Not Detected (at LOQ = 10) to meet some specific regulations (for samples without further dilution), <100 cfu/g (for samples with further dilution of 10), <1 cfu/mL (for pipettable samples without dilution), <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples), or <10 cfu/area (for hygiene environment samples that are required to report on specific area); according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested or Not Detected per sample volume tested (at LOQ = 1) to meet some specific regulations.  
*LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả sẽ được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g hoặc Không phát hiện (tại LOQ = 10) để phù hợp với vài luật định cụ thể (đối với mẫu không pha loãng thêm), <100 cfu/g (đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần), <1 cfu/mL (đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng), <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm), hoặc <10 cfu/diện tích (đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể); theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <1 cfu trên thể tích mẫu được kiểm hoặc Không phát hiện trên thể tích mẫu được kiểm (tại LOQ = 1) để phù hợp với vài luật định cụ thể.*  
\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.  
\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 (t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn))

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.  
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



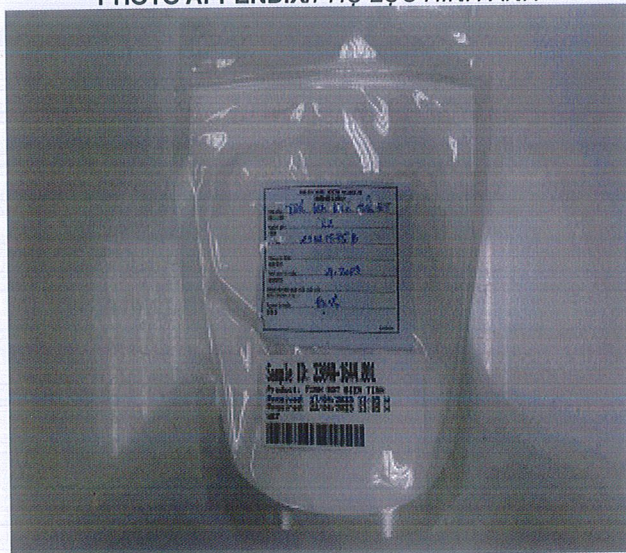


SGS

Report N°: 0000190303

Page N° 3/3

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000183530 issued by SGS Vietnam Ltd.

Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000183530 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.  
Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."





**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 14588/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu/Name of sample: Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột oxy hóa (Tinh Bột Biến Tính ET)
2. Mã số mẫu/ Sample code: 04233831/DV.6
3. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 400 g/túi.  
Số lượng: 1. Số lô: 23021575B. NSX: Không có - HSD: Không có  
Sample is put in a zipper bag, 400 g/bag. Quantity: 1  
Lot No.: 23021575B. MFG: No information - EXP: No information
4. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 22/04/2023
7. Thời gian thử nghiệm  
Testing time: 22/04/2023 - 08/05/2023
8. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM  
Địa chỉ: Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Vedan Vietnam Enterprise Co., Ltd  
Address: National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Commune  
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm  
Test result(s) Chỉ tiêu Hóa Lý và Vi Sinh Vật  
Physicochemical and Microbiological test

| STT/<br>No. | Tên chỉ tiêu/<br>Parameter                                              | Đơn vị/<br>Unit | Phương pháp thử/<br>Test method | Kết quả/<br>Result                                                                                                                                               |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1         | Tinh bột oxy hóa Hypoclorit<br>Starch oxidized hypochlorite             | -               | QCVN 4-18:2011/BYT              | Bắt màu điển hình thuốc nhuộm xanh methylen<br>Typically dye with methylene blue                                                                                 |
| 9.2         | Thử dương tính đối với các nhóm ester<br>Positive test for Ester groups | -               | QCVN 4-18:2011/BYT              | Phổ hồng ngoại cho thấy một dải hấp thụ ở khoảng 1.720 cm <sup>-1</sup><br>The infrared spectrum shows a typical absorption band at about 1.720 cm <sup>-1</sup> |

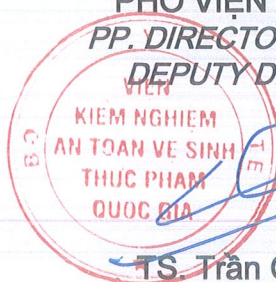
Hà Nội, 08/05/2023

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



TS. Trần Cao Sơn

Tran Cao Son, PhD.



## Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

WON: FST230406734-6

Date/Ngày: 21-Apr-2023

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : VEDAN(VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD /  
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột oxy hóa  
(Tinh Bột Biến Tính ET)

Lotno: 23021375B

Lotno: 23021575B

Sample description (Mô tả mẫu) : Modified Starch/ Tinh bột biến tính

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 19-Apr-2023

Sample tested on (Ngày phân tích) : 19-Apr-2023

## Testing Results / Kết quả phân tích

| No./ STT | Parameters / Chỉ tiêu                                     | Result / Kết quả                                                                                                                                                                                                                                     | Test Method / Phương pháp phân tích |
|----------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1        | Xác định cấu trúc tinh bột bằng quan sát kính hiển vi (*) | Quan sát bằng kính hiển vi cho thấy cấu trúc điển hình của hạt tinh bột chưa được hồ hóa. Hình dạng, kích thước và các đường vân là đặc điểm của nguồn gốc thực vật. Dưới lăng kính nicol quan sát được sự phân cực chéo điển hình của hạt tinh bột. | QCVN 4-18:2011/BYT                  |

### Note / Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. (\*) Parameters are not accredited ISO 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch



*Cao Việt Thanh*

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

### Intertek Vietnam Limited

**Can Tho City - Food Office & Laboratory:** M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho RZ, Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

**HCM City - Food Laboratory:** Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)

Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)



Effective date: 08/03/2023